

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH
VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET, TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	1.004320	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
2	1.013370	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
3	1.013369	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
4	1.013375	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			
5	1.013376	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
6	1.013371	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
7	1.013373	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			
8	1.013374	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
9	1.004303	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
10	1.013377	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11	1.013378	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
12	2.001748	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
13	1.013379	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
14	1.013380	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
15	1.013389	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.			
16	2.001757	Cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
17	1.004957	Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
18	1.004950	Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
19	1.005444	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
20	1.003370	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
21	1.005445	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
22	1.003200	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
23	1.013381	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
					nghe (Cục Viễn thông)
24	1.003249	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
25	1.013382	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
26	1.013383	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
27	1.013384	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
28	1.011893	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông đã được cấp hết hạn 15 năm).	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Tần số vô tuyến điện, Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông, Cục Tần số vô tuyến điện)
29	1.011894	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Tần số vô tuyến điện,	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông còn hiệu lực).		Viễn thông và Internet	Viễn thông, Cục Tần số vô tuyến điện)
30	1.011884	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
31	1.011885	Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại Giấy phép sử dụng băng tần.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
32	1.013388	Cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			
3	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			
6	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng,	Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).			
9	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng	Thông tư số 52/2025/TT- BTC	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối
---------------------------	---

	hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> <i>1. Phí</i> <i>- Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Phụ lục kèm theo NĐ163/2024/NĐ-CP. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định

	của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu
--	--

	quốc gia); b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên
--	--

	30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần
--	--

theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng

	viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (*Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định*).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép*)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính;

	(Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; c) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; d) Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i>

	- <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia) - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (*Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số.../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định*).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép*)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

- a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

b) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

c) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 163/2024/NĐ-CP;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

3. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Tòa nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP;

	b) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh với thời hạn không quá 03 năm để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:
do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ...
tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

- ☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

-Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

4. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
---------------------------	---

	5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i> , thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i>

có)	- <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- 1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- 2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. b) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất); c) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
---------------------------	--

	5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i> , thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; d) Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của</i>

có)	<i>Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> <i>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

8. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

9. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

10. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

11. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

12. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 163/2024/NĐ-CP;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

6. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về

	tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong
--	---

	03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có
--	--

	hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh
--	--

	doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

7. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý
--------------------	--

	hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Tòa nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; d) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; đ) Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP để đáp ứng điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (trong trường hợp doanh nghiệp chưa đầu tư đủ số vốn đầu tư tối thiểu tương ứng quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định 163/2024/NĐ-CP). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy

	hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử
--	--

	dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành
--	---

	phổ trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử
--	--

	dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng
--	---

	viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

- a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

- a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
- b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
- c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

- a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;
- b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;
- c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 163/2024/NĐ-CP;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
8. Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
9. Nhân lực
Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

8. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp; c) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. d) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép; đ) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách
--------------------	---

	nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ Phí: 500.000 đồng.</i>

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

4.

5.

6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

9. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Tòa nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. c) Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch

đính kèm)	vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- 1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- 2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

10. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số	1. Thành phần hồ sơ:

lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. c) Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông;

chính (nếu có)	2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

11. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép kinh cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng được gia hạn theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

12. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định số 163/2024/NĐ-CP có hiệu lực. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm
--------------------	---

	soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Tòa nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; c) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; d) Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; đ) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; e) Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Viễn thông. g) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; h) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau

	đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia) b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật
--	--

	Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng
--	---

	viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số
--	--

	vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:
--	---

	a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số..../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép*)

□ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

6. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

13. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định số 163/2024/NĐ-CP có hiệu lực. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ

	công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; c) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; d) Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 08 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP. đ) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; e) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	- <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia) - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số..../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép*)

□ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

8. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

9. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

10. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

11. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

12. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

14. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 6. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
---------------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính; c) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; đ) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp lại theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số..../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

- ☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

c) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

15. Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông <i>trừ</i> trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 11 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép/giấy chứng nhận
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i>

có)	- <i>Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i> - <i>Lệ phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 11 - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):

6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

16. Cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời phải nêu rõ đồng ý cấp phép theo nội dung hồ sơ nhận được hoặc đồng ý cấp phép kèm theo các điều kiện, biện pháp thực hiện mà tổ chức đề nghị cấp phép phải đáp ứng hoặc thực hiện bổ sung để được cấp phép. 3. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy tờ pháp lý của tổ chức đề nghị cấp phép (quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu tương đương khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ

	chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính; c) Bản sao điều lệ hoạt động của tổ chức, văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên; d) Đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển bao gồm các nội dung chính sau: các văn bản pháp lý liên quan đến phê duyệt đầu tư tuyến cáp (nếu có); tổng quan về tổ chức đề nghị cấp phép; sự cần thiết đầu tư tuyến cáp; hiện trạng mạng lưới, nhu cầu phát triển thị trường, xác định rõ tính chất, mục tiêu và phạm vi của tuyến cáp; hình thức đầu tư, tổng vốn đầu tư, tỷ lệ góp vốn của các thành viên, tỷ lệ sở hữu dung lượng, các trạm cập bờ trên toàn tuyến cáp; thông số kỹ thuật của tuyến cáp (tổng chiều dài toàn tuyến, tổng chiều dài trong vùng biển Việt Nam, tọa độ điểm vào, tọa độ điểm ra vùng biển của Việt Nam); dự kiến tọa độ tuyến cáp đề nghị lắp đặt, đường đi của tuyến cáp phải trình bày trên bản đồ thể hiện đúng chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, địa giới hành chính của Việt Nam theo quy định pháp luật đo đạc và bản đồ (bản đồ hành chính Việt Nam tỷ lệ 1:9.000.000); số đôi sợi, công nghệ sử dụng, dung lượng thiết kế, dung lượng trang bị; kế hoạch thi công (lich trình chi tiết và phương án thi công để thực hiện việc khảo sát, dọn dẹp, chạy neo, kiểm tra sau rải và chôn lấp); dự kiến thời điểm bắt đầu khảo sát, thời điểm bắt đầu lắp đặt, ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; kế hoạch bảo dưỡng tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam trong 05 năm đầu kể từ ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; phương án đảm bảo an toàn cho phương tiện, con người trong quá trình thi công, đảm bảo an toàn, an ninh cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển tại vùng biển tuyến cáp đi qua; phương án đảm bảo an ninh, môi trường biển trong quá trình khảo sát, thi công tuyến cáp và các vấn đề liên quan đến khảo sát biển, hoạt động ngầm dưới biển; cam kết về việc đảm bảo an toàn và bồi thường cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển của Việt Nam nếu do lỗi của tàu, thuyền vào khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp gây ra hư hỏng các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển này. 2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao).
Thời hạn giải quyết	60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 30 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i> - <i>Phí lắp đặt cáp viễn thông trên biển: Lắp đặt cáp viễn thông trên biển, bao gồm cả hoạt động khảo sát, lắp đặt, sửa chữa cáp viễn thông trên biển trước ngày chính thức khai thác tuyến cáp (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): 1.000.000 USD.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 12 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; 2. Cam kết không gây ô nhiễm môi trường biển; 3. Cam kết không thực hiện hoạt động khác ngoài việc khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông; 4. Có đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; 5. Cam kết chịu sự kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam và chịu mọi chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</i>

	<i>dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẮP ĐẶT CÁP
VIỄN THÔNG TRÊN BIỂN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép (nếu có);

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, ghi bằng chữ in hoa)

.....

Tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về người/tổ chức được ủy quyền (họ tên, chức vụ, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc căn cước công dân...)

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, (tên tổ chức/doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

17. Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, tổ chức được cấp giấy phép phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển khi thay đổi tên tổ chức được cấp phép hoặc thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam. 2. Tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép theo thẩm quyền trên cơ sở việc tuân thủ nội dung giấy phép đã được cấp và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến các cơ quan như quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và thời gian xét sửa đổi, bổ sung có thể kéo dài nhưng không được quá 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ:

	a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Nội dung chi tiết của việc sửa đổi, bổ sung giấy phép và các tài liệu có liên quan khác. 2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao).
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi tên tổ chức được cấp phép. - 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 30 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: không</i> - <i>Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; 2. Cam kết không gây ô nhiễm môi trường biển; 3. Cam kết không thực hiện hoạt động khác ngoài việc khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông; 4. Có đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; 5. Cam kết chịu sự kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa

	chữa, thu hồi tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam và chịu mọi chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG TRÊN BIỂN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đề nghị cấp phép cho tổ chức cá nhân Việt Nam để thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép (nếu có);

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) đề nghị được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp /giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác, ghi bằng chữ in hoa).....

Tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc ghi tại tài liệu tương đương khác):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đề nghị được sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... thángnăm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- ☐ 1. Đổi tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp;
- ☐ 2. Thay đổi thông tin tuyến cáp được lắp đặt;
- ☐ 3. Lý do khác (ghi rõ)

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.
- 5.
- 6.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) xin cam kết:

- 1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển và các tài liệu kèm theo.
- 2. Nếu được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, (tên tổ chức/doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định trong giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

18. Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

Trình tự thực hiện	1. Chậm nhất 90 ngày trước thời điểm giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đã được cấp hết hạn, tổ chức được cấp phép muốn gia hạn giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ xét gia hạn giấy phép trên cơ sở việc tuân thủ nội dung giấy phép đã được cấp và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét gia hạn giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. 3. Trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo về việc tuân thủ nội dung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đã được cấp và các quy định của pháp luật có liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ bản gốc.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ (đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển được gia hạn theo Mẫu số 30 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép</i> - <i>Phí lắp đặt cáp viễn thông trên biển: Không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 14 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc xét gia hạn giấy phép viễn thông được thực hiện theo nguyên tắc tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

**TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG TRÊN BIỂN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép (nếu có);

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, ghi bằng chữ in hoa)

.....

Tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax:Website

5. Thông tin về người/tổ chức được ủy quyền (họ tên, chức vụ, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc căn cước công dân...)

6. Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số... cấp ngày ...thángnăm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ... ngày ... tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, (tên tổ chức/doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định trong giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

19. Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp phép biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét cấp giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. 6. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng của tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, việc xét cấp phép được thực hiện căn cứ ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP;

	b) Bản sao điều lệ, văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên của mạng đang có hiệu lực và có đóng dấu xác nhận của tổ chức; c) Đề án thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, trong đó nêu rõ: Mục đích thiết lập mạng; cấu hình mạng; chủng loại thiết bị; dịch vụ sử dụng; thành viên của mạng; phạm vi hoạt động, công nghệ sử dụng; tần số, mã, số viễn thông đề nghị sử dụng; trang thiết bị và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 32 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, Lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông dùng riêng: 100.000.000 đồng/giấy phép (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn)</i> - <i>Lệ Phí: 1.000.000/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi; b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông; c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
---------------------------------------	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại
5. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Chủ mạng và các thành viên của mạng.
2. Mục đích thiết lập mạng.
3. Loại mạng.
4. Phạm vi hoạt động.
5. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp
phép (họ tên, chức vụ, điện
thoại, địa chỉ thư điện tử)*

20. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, tổ chức được cấp phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, danh sách thành viên của mạng, cấu hình mạng, phạm vi hoạt động của mạng, loại hình dịch vụ cung cấp. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét sửa đổi, bổ sung giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 17 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung; b) Các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có); 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 32 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: Không.</i> - <i>Lệ Phí: 500.000/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 17 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi; b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông; c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại
5. Điện thoại: Fax: Website
6. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đề nghị được sửa đổi bổ sung:
Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

21. Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) ít nhất 90 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp gia hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp gia hạn biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét gia hạn giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 18 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đã được cấp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

	- 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được gia hạn theo Mẫu số 32 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Lệ Phí: 500.000/giấy phép.</i> - <i>Phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 18 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại

5. Điện thoại: Fax: Website

6. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đề nghị được gia hạn:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng số...cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn:

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

22. Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp muốn thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Đề án thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, trong đó xác định rõ: Mục đích, phạm vi, quy mô, thời hạn thử nghiệm; cấu hình mạng, loại hình dịch vụ, bên hợp tác cùng thử nghiệm; giá dịch vụ dự kiến; tần số, kho số đề nghị được phép thử nghiệm; các điều khoản, điều kiện để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng nếu sau khi kết thúc thời hạn cung cấp thử nghiệm dịch vụ, doanh nghiệp không đưa dịch vụ vào cung cấp chính thức. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 33 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (nộp một lần cho toàn thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Mục I.3 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 19 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ; 2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức; 3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Mục đích thử nghiệm.

2. Loại mạng.

3. Loại dịch vụ.

4. Phạm vi.

5. Quy mô.

6. Đối tượng được cung cấp dịch vụ.

7. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

23. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, doanh nghiệp được cấp phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, cấu hình mạng, quy mô thử nghiệm, phạm vi hoạt động của mạng, loại hình dịch vụ cung cấp, đối tượng được cung cấp dịch vụ thử nghiệm. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép thử nghiệm mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 20 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung; b) Các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 33 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: không.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 20 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ; 2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức; 3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi, bổ sung:
Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

24. Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) ít nhất 90 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp gia hạn, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 21 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được gia hạn theo Mẫu số 33 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: không.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 21 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax:Website

5. Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... cấp ngày ...tháng năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng ... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, *(tên doanh nghiệp)* sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

25. Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông (Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có thời hạn không quá 10 năm được cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi) gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cho tổ chức theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét cấp giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, <i>phường Cầu Giấy</i>, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP;

	b) Đề án thiết lập mạng viễn thông bao gồm nội dung chính như sau: Mục đích thiết lập mạng; cấu hình mạng; chủng loại thiết bị; dịch vụ sử dụng; đối tượng phục vụ của mạng; phạm vi hoạt động, công nghệ sử dụng; tần số, mã, số viễn thông đề nghị sử dụng; trang thiết bị và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 34 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> <i>Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 22 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi; 2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CẤP CHO
ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA**

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: ...do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại.....
4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Mục đích thiết lập mạng viễn thông.
2. Loại mạng viễn thông.
3. Đối tượng phục vụ của mạng.
4. Phạm vi hoạt động.
5. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh, đài truyền hình quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

26. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, cấu hình mạng, tổ chức được cấp phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia cho tổ chức theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét sửa đổi, bổ sung giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 23 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung; các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

	- 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia thực hiện theo Mẫu số 34 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay thủ tục)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 23 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi; 2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG
VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA, ĐÀI TRUYỀN
HÌNH QUỐC GIA**

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(*Tên tổ chức*) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia đề nghị được sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sửa đổi, bổ sung, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

27. Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị gia hạn biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét gia hạn giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 24 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
Thời hạn giải quyết	- 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ - 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Đối tượng giải quyết thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia được gia hạn theo Mẫu số 34 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 24 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN
THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH
QUỐC GIA**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: do ...cấp ngày ... tháng...năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia đề nghị được gia hạn:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số... cấp ngày ... tháng ... năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn:

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

28. Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc tổ chức đề nghị cấp lại giấy kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông đã được cấp hết hạn 15 năm).

Trình tự thực hiện	I. Bước 1: Nộp hồ sơ thi tuyển Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo công khai phương án tổ chức thi tuyển, tổ chức phải nộp hồ sơ thi tuyển theo thời gian, phương thức, địa điểm nộp hồ sơ thi tuyển tại phương án tổ chức thi tuyển. II. Bước 2: Mở hồ sơ thi tuyển 1. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) tổ chức mở hồ sơ thi tuyển theo thời gian và địa điểm tại phương án tổ chức thi tuyển; 2. Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 3. Trình tự mở hồ sơ thi tuyển được thực hiện như sau: a) Thông báo thành phần tham dự; b) Thông báo số lượng hồ sơ thi tuyển và tên các tổ chức tham gia thi tuyển; c) Kiểm tra niêm phong của hồ sơ thi tuyển; d) Mở lần lượt các bộ hồ sơ và ghi vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển các thông tin về: tên doanh nghiệp, số lượng bộ hồ sơ gốc và bộ lưu bằng phương tiện điện tử; đ) Thông qua biên bản mở hồ sơ thi tuyển; e) Đại diện của từng tổ chức và đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển. Bản sao của biên bản mở hồ sơ thi tuyển được gửi cho tất cả các tổ chức tham gia thi tuyển; g) Sau khi mở hồ sơ thi tuyển, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào bản gốc của tất cả các hồ sơ thi tuyển và niêm phong 01 bộ hồ sơ bản gốc. Trên giấy niêm phong có chữ ký của đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) và đại diện của tổ chức tham gia thi tuyển có mặt.
---------------------------	--

	III. Bước 3: Xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển chấm điểm hồ sơ thi tuyển được thực hiện trên bản sao. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, Cục Viễn thông thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có văn bản thông báo không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức nộp hồ sơ thi tuyển nhưng không nằm trong danh sách nêu trên và nêu rõ lý do. IV. Bước 4: Chấm điểm hồ sơ thi tuyển và xác định tổ chức trúng tuyển - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện chấm điểm hồ sơ thi tuyển và báo cáo kết quả cho Bộ Khoa học và Công nghệ. V. Bước 5: Phê duyệt kết quả trúng tuyển, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chấm điểm của Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo cho tổ chức trúng tuyển mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức trúng tuyển lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định
--	--

	63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới Cục Viễn thông theo phương thức, thời gian quy định tại phương án tổ chức thi tuyển đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo. - Nộp qua hệ thống bưu chính. (Địa chỉ: theo quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Cục Tần số vô tuyến điện thông báo).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông.

	- Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP c) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; d) Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua hình thức thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan chủ trì cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông: Cục Viễn thông; cơ quan phối hợp: Cục Tần số vô tuyến điện. - Cơ quan chủ trì cấp giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện; cơ quan phối hợp: Cục Viễn thông.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Giấy phép sử dụng băng tần.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.

	- Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm. - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện. - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. - Điều kiện để được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng sử dụng băng tần được cấp phép sử dụng thông qua thi tuyển như sau: - Đáp ứng điều kiện cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;” - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển; - Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP

(Tên công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẤU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
----	----------	---------------------

1	<i>Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai</i>	
2	<i>Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý</i>	
3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của băng tần cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi ấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

a) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
 (Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ...cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

1. Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

2. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

3. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ...để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số*)

29. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông còn hiệu lực).

Trình tự thực hiện	I. Bước 1: Nộp hồ sơ thi tuyển - Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo công khai phương án tổ chức thi tuyển, tổ chức phải nộp hồ sơ thi tuyển theo thời gian, phương thức, địa điểm nộp hồ sơ thi tuyển tại phương án tổ chức thi tuyển. II. Bước 2: Mở hồ sơ thi tuyển 1. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) tổ chức mở hồ sơ thi tuyển theo thời gian và địa điểm tại phương án tổ chức thi tuyển; Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 2. Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 3. Trình tự mở hồ sơ thi tuyển được thực hiện như sau: a) Thông báo thành phần tham dự; b) Thông báo số lượng hồ sơ thi tuyển và tên các tổ chức tham gia thi tuyển; c) Kiểm tra niêm phong của hồ sơ thi tuyển; d) Mở lần lượt các bộ hồ sơ và ghi vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển các thông tin về: tên doanh nghiệp, số lượng bộ hồ sơ gốc và bộ lưu bằng phương tiện điện tử; đ) Thông qua biên bản mở hồ sơ thi tuyển; e) Đại diện của từng tổ chức và đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số Vô tuyến điện) ký xác nhận vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển. Bản sao của biên bản mở hồ sơ thi tuyển được gửi cho tất cả các tổ chức tham gia thi tuyển; g) Sau khi mở hồ sơ thi tuyển, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào bản gốc của tất cả các hồ sơ thi tuyển và niêm phong 01 bộ hồ sơ bản gốc. Trên giấy niêm phong có chữ ký của đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) và đại diện của tổ chức tham gia thi tuyển có mặt.
--------------------	---

	III. Bước 3: Xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Cục Viễn thông xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển chấm điểm hồ sơ thi tuyển được thực hiện trên bản sao. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, Cục Viễn thông thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có văn bản thông báo không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức nộp hồ sơ thi tuyển nhưng không nằm trong danh sách nêu trên và nêu rõ lý do. IV. Bước 4: Chấm điểm hồ sơ thi tuyển và xác định tổ chức trúng tuyển - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Thông và Truyền thông phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện chấm điểm hồ sơ thi tuyển và báo cáo kết quả cho Bộ Khoa học và Công nghệ. V. Bước 5: Phê duyệt kết quả trúng tuyển, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chấm điểm của Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo cho tổ chức trúng tuyển mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức trúng tuyển lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định
--	--

	63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) theo phương thức, thời gian quy định tại phương án tổ chức thi tuyển đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo. - Nộp qua hệ thống bưu chính. (Địa chỉ: theo quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Cục Tần số vô tuyến điện thông báo).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) c) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua hình thức thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan chủ trì cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông: Cục Viễn thông; cơ quan phối hợp: Cục Tần số vô tuyến điện; - Cơ quan chủ trì cấp giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện; cơ quan phối hợp: Cục Viễn thông.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Giấy phép sử dụng băng tần.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP. - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng tuyển theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2013/NĐ-CP. - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ	Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

tục hành chính (nếu có)	Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện; Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; Điều kiện để được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép sử dụng thông qua thi tuyển như sau: - Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển; - Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-

	BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP
(Tên công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

Như trên;

...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẤU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt Phương án tổ chức (*đấu giá/thi tuyển*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của *Bộ Khoa học và Công nghệ* về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (*trúng đấu giá/thi tuyển/ được cấp lại*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (*khỏi băng tần*) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
----	----------	---------------------

1	<i>Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai</i>	
2	<i>Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý</i>	
3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của băng tần cụ thể.

30. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại Giấy phép sử dụng băng tần.

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về việc đủ điều kiện xét cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại thì phải nêu rõ lý do. - Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính. (Địa chỉ: Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP;

	b) Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 63/2023/NĐ-CP 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức nộp hồ sơ hợp lệ và đã nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

	- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP) - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b) Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp lại xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp lại; c) Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>265/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy</i>

	<i>phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi ấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

8. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

9. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

10. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

11. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

12. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

13. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

14. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

- a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
- b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
- c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

- a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;
- b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;
- c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép

kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

e) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

g) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN**ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG**

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

2. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

3. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẤU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của *Bộ Khoa học và Công nghệ* về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khỏi băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	

3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

31. Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại Giấy phép sử dụng băng tần.

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng
--------------------	---

	băng tần phải nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về việc đủ điều kiện xét cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Trường hợp không đủ điều kiện cấp mới thì phải nêu rõ lý do. - Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản này được cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính. (Địa chỉ: Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP;

	- Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP d) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; đ) Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức nộp hồ sơ hợp lệ và đã nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP. - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b) Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp lại xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp lại; c) Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

□ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi ấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

c) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

d) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

e) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

g) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép

kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẦU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	

3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

32. Cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc và 02 bộ hồ sơ bản sao tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị. 2. Căn cứ việc tuân thủ giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, tuân thủ văn bản cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam đã cấp (nếu có) và hồ sơ đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam của tổ chức, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) phối hợp với Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển theo đề nghị của tổ chức đã được cấp giấy phép và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp thủy thủ đoàn nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam thì lấy thêm ý kiến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an. Văn bản cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam thực hiện theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP. 3. Trường hợp tổ chức nước ngoài đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam thì hồ sơ đề nghị tương ứng phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện các thủ tục nêu trên phải gửi kèm hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam. 4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn tất hoạt động khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp, tổ chức đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong quá trình thực hiện các hoạt động trên như sau: a) Báo cáo kết quả của hoạt động khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp, các tình huống bất thường xảy ra trong vùng biển Việt Nam (nếu có); b) Gửi dữ liệu nhận dạng tự động của tàu thuyền (dữ liệu định dạng Excel) tới Cục Viễn thông theo địa chỉ thư điện tử: baocaovt@mst.gov.vn.
--------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Viễn thông; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Viễn thông: Toà nhà VNTA, Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam bao gồm: a) Văn bản đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam của tổ chức đã được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển bao gồm thông tin cụ thể về phân đoạn tuyến cáp cần khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và thông số kỹ thuật của tàu, thuyền dự kiến vào vùng biển Việt Nam; c) Danh sách thủy thủ đoàn và thông tin về thời gian dự kiến nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh, mục đích, nơi ở của thành viên thủy thủ đoàn (nếu nhập cảnh, quá cảnh tại Việt Nam); d) Kế hoạch thi công: Lịch trình chi tiết, phương án thi công, thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc, tọa độ vị trí thực hiện hoạt động khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp; đ) Thông báo chính thức về sự cố tuyến cáp do Trung tâm vận hành và quản lý tuyến cáp ban hành (trường hợp tàu, thuyền vào để sửa chữa); e) Thông báo việc ngừng khai thác tuyến cáp do các chủ sở hữu tuyến cáp ban hành (trường hợp tàu, thuyền vào để thu hồi). 2. Số lượng hồ sơ: 03 bộ (01 bộ hồ sơ bản gốc và 02 bộ hồ sơ bản sao).
Thời hạn giải quyết	Không quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam thực hiện theo Mẫu số 31 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Phí sửa chữa, bảo dưỡng, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển (nộp cho mỗi lần tàu, thuyền vào sửa chữa, bảo dưỡng, thu hồi tuyến cáp sau ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ): 50.000 USD.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam của tổ chức đã được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 15 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Căn cứ việc tuân thủ giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, tuân thủ văn bản cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam đã cấp (nếu có).
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức:

(Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tương đương khác), ghi bằng chữ in hoa tiếng Việt).

Tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

(Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển số: ... cấp ngày ... tháng năm

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về người/tổ chức được ủy quyền (họ tên, chức vụ, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc căn cước công dân...)

Phần 2. Mô tả chi tiết đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam1. Mục đích đề nghị cho phép tàu vào vùng biển Việt Nam: *Khảo sát/lắp đặt/bảo dưỡng/sửa chữa/thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển(tên tuyến cáp).*

2. Nhà thầu thi công:.....

3. Thời gian tàu hoạt động trong vùng biển Việt Nam: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

4. Thông tin chi tiết về phân đoạn tuyến cáp tàu thực hiện hoạt động *khảo sát/lắp đặt/bảo dưỡng/sửa chữa/thu hồi.*

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1. Bản sao giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đã được cấp.
2. Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và thông số kỹ thuật của tàu dự kiến vào vùng biển Việt Nam.
3. Danh sách thủy thủ đoàn và thông tin về thời gian dự kiến nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh, mục đích, nơi ở của thành viên thủy thủ đoàn (nếu nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam).
4. Kế hoạch thi công: lịch trình chi tiết, phương án thi công, thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc, tọa độ vị trí thực hiện hoạt động khảo sát/lắp đặt/bảo dưỡng/sửa chữa/thu hồi tuyến cáp.
5. Thông báo chính thức về sự cố tuyến cáp do Trung tâm vận hành và quản lý tuyến cáp ban hành (trường hợp tàu vào để sửa chữa).
6. Thông báo việc ngừng khai thác tuyến cáp do các chủ sở hữu tuyến cáp ban hành (trường hợp tàu vào để thu hồi).
7. Hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đã được cấp Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện các thủ tục đề nghị cho phép tàu vào vùng biển Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam và các tài liệu kèm theo.
2. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với tàu nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam cũng như các quy định trong văn bản này và chịu mọi trách nhiệm về bất kỳ hành vi vi phạm nào.
3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn, an ninh trên biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, an toàn cho người và phương tiện trong quá trình hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TÀU,
THUYỀN VÀO VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ của tổ chức đề nghị cho phép tàu vào (ghi rõ họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính;

	- Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục 1.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công

	cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

¹ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO**CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/
CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp***1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng***

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ

- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
 - e) Thuê kênh và kết nối
 - g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
 - h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
 - i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

hiện	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông. Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của

hành chính	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
------------	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư² số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao

² Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

5. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

7. Phân tích năng lực của công ty.

8. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

4. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

4. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

5. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

6. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

c) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

d) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

e) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

g) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

d) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

e) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

f) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

e) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

g) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
 (Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/
CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp***1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng***

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ

- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
 - e) Thuê kênh và kết nối
 - g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
 - h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
 - i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

3. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong các thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

hiện	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính)	- Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch

kèm)	vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư³ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

³ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
 thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài
 trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác,
 tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
 dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

4. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng

	dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh

hành chính (nếu có)	ng nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

9. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

10. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

11. Phân tích năng lực của công ty.

12. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

7. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

8. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

9. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

7. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

8. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

9. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

e) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

f) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

i) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

j) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

k) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

l) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

g) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

h) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

i) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

i) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

j) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

k) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

l) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁴ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

⁴ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong các thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung
--------------------	--

	bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu	Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh

tờ khai (nếu có và đính kèm)	dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁵ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

⁵ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
 thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài
 trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác,
 tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
 dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

6. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ

	công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính)	Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên.

kèm)	Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 07

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

13. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

14. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

15. Phân tích năng lực của công ty.

16. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

10. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

11. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

12. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

10. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

11. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

12. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

g) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

h) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

m) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

n) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- o) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- p) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

j) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

k) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

l) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

m) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

n) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

o) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

p) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁶ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

⁶ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
 - d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
 - đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
 - e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
 - g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
 - Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
 - h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
 - i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

7. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

lượng hồ sơ	theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 15 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn

kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
 thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài
 trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác,
 tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
 dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁷ số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

⁷ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

8. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP;

	- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 15 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn

	bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
 thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài
 trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác,
 tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
 dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
 - d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
 - đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
 - e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
 - g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
 - Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
 - h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
 - i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁸ số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

⁸ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

9. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch

	vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu)	<i>Phí: không có.</i>

có)	<i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁹ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

⁹ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

17. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

18. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

19. Phân tích năng lực của công ty.

20. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

13. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

14. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

15. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép

hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

13. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

14. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

15. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, công, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

i) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

j) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

q) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

r) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- s) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- t) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

m) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

n) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

o) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

q) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

r) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

s) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

t) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG**
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
 thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài
 trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác,
 tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
 dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
 - Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

10. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo

	Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên.

	Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁰
số: do cấp lần đầu ngày ... tháng năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ...
ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số

¹⁰ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

21. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

22. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

23. Phân tích năng lực của công ty.

24. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

16. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

17. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

18. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

16. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

17. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

18. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
- đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng**1. Cấu hình mạng viễn thông**

k) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

l) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

u) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

v) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

w) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

x) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

p) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

q) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

r) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

u) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

v) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

w) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

x) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉPGiấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...**II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP****1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng****a) Dung lượng mạng**Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.**b) Thiết bị mạng viễn thông**

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp
đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).**c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông**

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.**đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp**

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

11. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

chính	
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i> - <i>Lệ phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹¹ số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):
6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

¹¹ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

12. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố thành phố trực thuộc trung ương của UBND cấp tỉnh.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i> - <i>Lệ phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹² số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):
6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

¹² Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)